

# ĐÀO TẠO NGHỀ THEO NHU CẦU SỬ DỤNG CỦA XÃ HỘI

• PGS.TS DƯƠNG ĐỨC LÂN  
Tổng cục Dạy nghề

Những năm qua, nền kinh tế nước ta giữ được tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Đầu tư trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài ngày càng tăng đã tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, cơ cấu kinh tế cũng chuyển dần theo hướng tăng mạnh tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp..., những yếu tố đó đã tạo ra "cầu" ngày càng cao về lao động có kĩ năng nghề, đây vừa là cơ hội thuận lợi để phát triển dạy nghề nhưng cũng vừa là thách thức đối với các cơ sở dạy nghề về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề đào tạo sao cho đáp ứng được nhu cầu sử dụng của xã hội về lao động có kĩ năng nghề.

Bài viết này chủ yếu bàn về đào tạo để đáp ứng "cầu" lao động có nghề, tuy nhiên trước khi bàn về vấn đề này, chúng ta cũng cần biết khả năng "cung" về lao động có nghề ở nước ta hiện nay như thế nào?

**1. Thực trạng về năng lực dạy nghề hiện nay**

## **1. Mạng lưới cơ sở dạy nghề**

Tính đến hết năm 2006, cả nước có 1.915 cơ sở dạy nghề (trong đó có 1.218 cơ sở dạy nghề công lập, chiếm 64%) bao gồm 262 trường dạy nghề, 599 trung tâm dạy nghề (TTDN), 251 trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp vào 803 cơ sở khác có dạy nghề.

Nhìn chung, cơ sở mạng lưới dạy nghề phát triển theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc đa dạng các loại hình cơ sở dạy nghề bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước cũng như nhu cầu học nghề để tìm việc làm và tự tạo việc làm của người lao động. Tuy nhiên, tốc độ phát triển dạy nghề còn có sự khác biệt giữa các vùng. Các tỉnh miền núi (Tây Nguyên, Tây Bắc, đồng bằng sông Cửu Long), vùng sâu vùng xa phát triển chậm hơn các vùng khác. Mạng lưới TTDN phát triển nhanh. Tuy nhiên mạng lưới TTDN cấp quận/huyện phát triển chưa đạt tốc độ so với yêu cầu, đến nay mới chỉ có 258 TTDN cấp huyện.

## **2. Quy mô đào tạo**

Giai đoạn 2001-2005, quy mô đào tạo nghề có tăng lên, dự kiến trong cả giai đoạn 2001-

2005 đào tạo cho 5.244.000 người (tính chung cho cả hệ dài hạn và ngắn hạn), thực hiện được 5.304.000 người.

Về đào tạo dài hạn, tốc độ thực hiện của các năm so với thực hiện năm gốc (năm 2001) tăng khá nhanh, quy mô tuyển sinh thực tế năm 2005 tăng 81,3%, so với năm 2001. Dạy nghề ngắn hạn thực hiện vào năm 2005 so với năm 2001 chỉ tăng 33,5% nhưng nếu tính số tuyệt đối thì đào tạo ngắn hạn tăng khá lớn, năm 2001 dạy nghề ngắn hạn được 761.200 lượt người, năm 2005 là 956 lượt người. Đào tạo ngắn hạn trong giai đoạn này tăng là do việc mở ra các mô hình đào tạo nghề năng động, linh hoạt ở tất cả các cơ sở dạy nghề, trong đó có dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn đã thực sự phát huy tác dụng.

Việc thực hiện kế hoạch đào tạo hệ dài hạn trên đây cho thấy: năng lực đào tạo nghề dài hạn hiện có đã được khai thác triệt để, nhu cầu học nghề dài hạn tăng lên nhanh, nhưng khả năng tiếp nhận vào học nghề của các trường bị giới hạn bởi cơ sở vật chất, thiết bị, giáo viên và các điều kiện khác để đảm bảo chất lượng. Điều này cũng cho thấy rằng: việc mở rộng và tăng cường năng lực cho các trường dạy nghề hiện có là hết sức cần thiết, mặt khác cần phát triển thêm nhiều trường dạy nghề mới để đáp ứng được nhu cầu học nghề ngày càng cao của nhân dân.

Nhìn chung, đại bộ phận các trường có quy mô dạy nghề nhỏ, các trường dạy nghề địa phương có quy mô nhỏ hơn các trường thuộc các Bộ, ngành.

## **3. Đội ngũ giáo viên dạy nghề**

Đến nay đội ngũ giáo viên trong các trường dạy nghề có khoảng 8000 người, trong các TTDN khoảng 2500 người, ngoài ra còn có hàng ngàn giảng viên, giáo viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tại các cơ sở dạy nghề khác có tham gia dạy nghề.

Theo số liệu thống kê năm 2003, trình độ giáo viên tại các trường dạy nghề như sau: 3% giáo viên có trình độ trên đại học; 69,2% có trình độ đại học, cao đẳng; 12,2% có trình độ trung học chuyên nghiệp; 12,2% có trình độ công nhân kĩ thuật và 3,4% thuộc các trình độ khác.

Tại các TTDN, tỉ lệ tương ứng là; 3,7%; 61,4%; 9,3%; 15,2% và 10,4%.

Về trình độ sư phạm: 23,6% giáo viên mới chỉ có trình độ sư phạm bậc I; 57,9% giáo viên có trình độ sư phạm bậc II. Vẫn còn tới 18,5% số giáo viên đang giảng dạy chưa được bồi dưỡng về sư phạm kĩ thuật.

Về trình độ ngoại ngữ và tin học: tại các trường dạy nghề, giáo viên có ngoại ngữ chiếm 63,3% số giáo viên, trong đó trình độ A: 31%; trình độ B: 19,2%; trình độ C trở lên: 13,1 %.

Từ 2004 đến nay, với sự hỗ trợ của dự án Giáo dục kĩ thuật và dạy nghề và Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) GD&ĐT, Tổng cục Dạy nghề đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ sư phạm, trình độ chuyên môn cho giáo viên dạy nghề, nhờ đó mà trình độ và năng lực chuyên môn của giáo viên dạy nghề có được nâng lên, nhiều cơ sở dạy nghề đã có đội ngũ giáo viên đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo.

Kết quả cụ thể là: đã có khoảng 12.000 lượt giáo viên dạy nghề được tham gia các lớp bồi dưỡng sư phạm bậc 1, bậc 2, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để cập nhật kĩ thuật, công nghệ mới, nâng cao kĩ năng nghề và phương pháp dạy học tiên tiến... trong đó:

- Bồi dưỡng về chuyên môn và kĩ năng nghề chiếm khoảng 38%;
- Bồi dưỡng về năng lực sư phạm chiếm khoảng 35%;
- Bồi dưỡng các chuyên đề khác chiếm khoảng 27%;

Tuy nhiên, trên thực tế đội ngũ giáo viên dạy nghề hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập, cụ thể là:

- Về số lượng: tỉ lệ học sinh /giáo viên còn cao (28 HS/GV) nếu đảm bảo 20 HS/GV thì ngay với quy mô hiện tại số giáo viên hiện có mới chỉ đảm bảo được khoảng 80%. Nếu so với yêu cầu tăng quy mô học sinh học nghề dài hạn vào năm 2010 thì số lượng giáo viên dạy nghề còn phải tăng lên nhiều về số lượng và chất lượng.

- Kĩ năng dạy học của một số giáo viên còn hạn chế, đặc biệt là các trường thuộc các địa phương do mới thành lập nên đội ngũ còn mỏng và chưa có nhiều kinh nghiệm.

- Một bộ phận giáo viên dạy thực hành nghề nhưng chưa qua thực tế sản xuất nên còn thiếu kinh nghiệm và năng lực thực hành nghề. Một bộ phận không nhỏ giáo viên dạy nghề chưa được cập nhật kiến thức, kĩ năng, kĩ thuật và công nghệ tiên tiến.

#### **4. Tiêu chuẩn nghề, chương trình, giáo trình và tài liệu giảng dạy**

Trong giai đoạn 2001-2005, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành Dạy nghề là tập trung cải cách chương trình và tài liệu đào tạo nghề theo hướng chuẩn hoá và hiện đại hoá nhằm từng bước tiếp cận với chuẩn nghề của khu vực và thế giới. Để thực hiện nhiệm vụ này, Bộ LĐTB&XH đã ban hành Quyết định số 212/2003/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng về nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình dạy nghề, trên cơ sở Quyết định và được sự hỗ trợ về kinh phí từ dự án Giáo dục Kĩ thuật và Dạy nghề, CTMTQG - dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề, nhiều chương trình và tài liệu giảng dạy đã được xây dựng theo hướng tiếp cận phương pháp tiên tiến trên thế giới – phương pháp phân tích nghề DACUM. Các chương trình đào tạo lựa chọn hình thức xây dựng theo mô hình kết hợp giữa môn học và mô đun. Mô hình này vừa thể hiện được tính hiện đại của thế giới lại vừa phù hợp với thực tế và yêu cầu của Việt Nam. Cho đến nay, từ nguồn kinh phí của dự án kĩ thuật và dạy nghề và từ CTMTQG GD&ĐT, hoạt động xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy và tiêu chuẩn nghề đã mang lại kết quả như sau:

- (i) Từ nguồn kinh phí của dự án GDKT&DN:
  - Xây dựng tiêu chuẩn kĩ năng nghề cho 48 nghề phổ biến;
  - Xây dựng 75 bộ chương trình đào tạo dài hạn, trong đó 31 bộ chương trình cho trình độ cao đẳng nghề ; 44 chương trình cho trình độ cung cấp nghề (đã thẩm định xong, đang in để dạy thí điểm);
  - Đang viết giáo trình và sách hướng dẫn giáo viên dựa trên 75 bộ chương trình đã được duyệt;
  - Đã xây dựng xong 46 bộ chương trình dạy nghề ngắn hạn dùng cho đào tạo lưu động và dạy nghề cho lao động nông thôn;
  - Đang chuẩn bị triển khai thí điểm tại 3 miền (Bắc, Trung, Nam) về đánh giá theo tiêu chuẩn nghề để cấp chứng chỉ kĩ năng nghề quốc gia.

Tất cả các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn kĩ năng, chương trình, tài liệu sử dụng kinh phí từ dự án GDKT& DN trên đây đều được thực hiện theo phương pháp mới

(ii) Từ nguồn kinh phí của CTMTQG – Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề

- Xây dựng mới 14 chương trình khung cho 14 nhóm nghề, trong đó có 4 chương trình khung được xây dựng theo phương pháp mới.
- Xây dựng mới 39 bộ chương trình đào tạo dài hạn cho 39 nghề, trong đó có 1 nghề được xây dựng theo phương pháp mới.
- Biên soạn và chỉnh sửa 320 giáo trình;

- Bổ sung, sửa đổi mới 500 chương trình môn học.

- Xây dựng mới chương trình và tài liệu cho 5 nghề ngắn hạn phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn (theo phương pháp mới)

Các chương trình được xây dựng từ kinh phí CTMTQG do Tổng cục Dạy nghề tổ chức, điều phối, phân công thực hiện theo nguyên tắc không trùng lặp và theo thế mạnh của từng bộ ngành.

### **5. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề**

Sau 5 năm thực hiện mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất từ CTMTQG có thể rút ra nhận định tổng quát như sau: vẫn còn nhiều cơ sở dạy nghề trong hệ thống chưa được hỗ trợ nhiều về thiết bị, đặc biệt là những cơ sở dạy nghề mới được thành lập tại những tỉnh mới tách và những tỉnh có khó khăn về nguồn vốn đầu tư. Việc xây dựng các trường và trung tâm dạy nghề chất lượng cao bước đầu được thực hiện nhưng còn chậm. Số liệu điều tra cho thấy, vẫn còn khoảng 20% số phòng học và 30% số xưởng thực hành là nhà cấp 4, về trang thiết bị thì chỉ có khoảng 25% số trường được trang bị thiết bị mới ở cấp độ công nghệ khá, tiên tiến, còn lại phần lớn các cơ sở dạy nghề mới chỉ được hỗ trợ trang thiết bị ở trình độ công nghệ trung bình hoặc các thiết bị phục vụ cho thực hành cơ bản.

### **6. Chuyển đổi dạy nghề theo Luật Giáo dục 2005**

Theo Luật Giáo dục 2005, dạy nghề có sự thay đổi đáng kể, thay vì chỉ dạy nghề dài hạn và ngắn hạn thì nay sẽ chuyển sang dạy nghề theo 3 cấp trình độ: cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề.

Hệ thống các trường dạy nghề đang có sự chuyển đổi để triển khai đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ. Các bộ, ngành và địa phương đang rà soát các trường dạy nghề hiện có để chuyển thành các trường trung cấp nghề. Những trường mạnh và đáp ứng được các tiêu chí xác định đã và đang xây dựng để án để được nâng cấp thành các trường cao đẳng nghề. Dự kiến đến 2010 sẽ có 90 trường cao đẳng nghề và 270 trường trung cấp nghề trong cả nước (trong đó có 40 trường dạy nghề chất lượng cao).

Sự phát triển mạnh mẽ mạng lưới các trường dạy nghề trong thời gian tới nhằm tăng cường năng lực dạy nghề để thực hiện được các chỉ tiêu dạy nghề đã được Quốc hội thông qua: giai đoạn 2006-2010 dạy nghề cho 7.500.000 người, trong đó đến năm 2010 tỉ lệ trung cấp nghề và cao đẳng nghề phải chiếm 25% tổng chỉ tiêu tuyển mới.

## **II. Nhu cầu sử dụng lao động có kỹ năng**

## **nghề và dự kiến các điều kiện để đáp ứng nhu cầu**

Trên thực tế hiện nay, việc xác định nhu cầu sử dụng lao động có kỹ năng nghề chủ yếu dựa vào kế hoạch đào tạo nghề của các bộ ngành và địa phương. Kế hoạch này được xây dựng dựa trên quy hoạch phát triển ngành, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương, năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề và nhu cầu học nghề của người lao động. Về cơ bản thì các kế hoạch đào tạo nghề của các bộ ngành và địa phương trong thời gian qua cũng mới chỉ phản ánh nhu cầu lao động có kỹ năng nghề về tổng số, việc phân bổ chi tiêu đào tạo cho các cơ sở dạy nghề cũng là tổng chỉ tiêu tuyển mới. Điều đó có nghĩa là việc xác định nhu cầu lao động có kỹ năng nghề theo từng nghề và từng trình độ đào tạo chưa thực hiện được. Đào tạo nghề gì là do các cơ sở dạy nghề tự xác định. Người học nghề cũng không biết được xã hội đang rất cần những nghề gì? Việc lựa chọn nghề học chủ yếu theo cảm tính, điều này dẫn đến tình trạng có những nghề rất nhiều người học và có những nghề rất ít người học. Tuy nhiên, do "cung" về lao động có nghề luôn trong tình trạng nhỏ hơn "cầu", do đó dù học nghề gì thì hầu như cũng đều có việc làm.

Theo dự báo, nhu cầu về lao động có kỹ năng nghề giai đoạn 2006-2010 và 2011-2020 rất lớn, trong đó nhu cầu về lao động có kỹ năng nghề trình độ lành nghề và trình độ cao tăng lên rất nhanh. Dựa trên dự báo cáo nhu cầu lao động có nghề của các bộ, ngành và các địa phương và năng lực dạy nghề đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, TTDN đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, trong đó đã xác định mạng lưới trường, quy mô đào tạo và cơ cấu giữa các trình độ đào tạo nghề. Cụ thể là:

- Tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 26% vào năm 2010; đạt tối thiểu 40% vào năm 2020.

- Cơ cấu đào tạo nghề theo ba cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề trong tổng số tuyển sinh đào tạo nghề như sau:

Các cấp trình độ	Đến 2010	Đến 2020
Cao đẳng nghề (%)	7,5	15
Trung cấp nghề (%)	22,5	35
Sơ cấp nghề (%)	70	50

- Quy mô tuyển sinh đạt 7,5 triệu người giai đoạn 2006-2010; đạt 21 triệu người giai đoạn 2011-2020. Cụ thể quy mô tuyển sinh giai đoạn 2006-2010 là:  
(Đơn vị: người)

và các cơ sở dạy nghề; cải cách các thủ tục, quy trình thành lập và hoạt động của các cơ sở dạy nghề theo hướng đơn giản, hợp lí.

- Thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề:

Các cấp trình độ	2006	2007	2008	2009	2010	Giai đoạn 2006-2010
<b>Tổng số</b>	<b>1.340.000</b>	<b>1.405.000</b>	<b>1.482.000</b>	<b>1.573.000</b>	<b>1.700.000</b>	<b>7.500.000</b>
Cao đẳng nghề		29.500	55.000	88.000	126.000	298.500
Trung cấp nghề	260.000	275.500	305.000	335.000	380.000	1.555.500
Sơ cấp nghề	1.080.000	1.100.000	1.122.000	1.150.000	1.194.000	5.646.000

Đến năm 2010, 50% số trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề được kiểm định và công nhận các điều

kiện đảm bảo chất lượng; đến năm 2020, tất cả cơ sở dạy nghề được kiểm định và công nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng.

- Tổ chức thực hiện đánh giá và cấp chứng chỉ kĩ năng nghề quốc gia cho ít nhất 20 nghề đến năm 2010 và 150 nghề đến năm 2020.

**2. Giải pháp về huy động tài chính**

- Thực hiện Đề án phát triển xã hội hoá dạy nghề đến năm 2010 theo Quyết định số 1000/2005/QĐ-BLĐTBXH ngày 07 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Khuyến khích và tạo các điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề tư thực, cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư của nước ngoài; mở rộng hình thức hợp đồng liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ giữa cơ sở dạy nghề của Việt Nam với cơ sở dạy nghề của nước ngoài.

- Tăng mức đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho dạy nghề để vào năm 2010 đạt tỉ lệ là 11% trong tổng chi ngân sách Nhà nước dành cho giáo dục đào tạo; sử dụng có hiệu quả dự án "Tăng cường năng lực đào tạo nghề" thuộc CTMTQG Giáo dục - Đào tạo giai đoạn 2006-2010 với mức kinh phí khoảng 6.000 tỉ đồng từ ngân sách Trung ương để hỗ trợ đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở dạy nghề, trong đó: tập trung đầu tư để hình thành 40 trường dạy nghề chất lượng cao, hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các TTDN cấp huyện; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí dạy nghề; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn kĩ năng nghề và các chương trình dạy nghề; hỗ trợ dạy nghề cho nông dân, người tàn tật, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Về mạng lưới cơ sở dạy nghề:

+ Từng bước nâng cấp, phát triển cơ sở dạy nghề theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá để tăng năng lực, chất lượng và hiệu quả đào tạo; tập trung đầu tư các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề chất lượng cao ở các vùng kinh tế trọng điểm và các khu công nghiệp tập trung cho một số ngành kinh tế mũi nhọn.

+ Đến năm 2010: có 90 trường cao đẳng nghề, 270 trường trung cấp nghề (trong đó có 40 trường chất lượng cao, 03 trường tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới) và 750 TTDN. Mỗi tỉnh (thành phố) có ít nhất một trường trung cấp nghề hoặc trường cao đẳng nghề; mỗi quận, huyện, thị xã có ít nhất một TTDN hoặc cụm huyện có trường trung cấp nghề nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học nghề nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, hải đảo, người dân tộc thiểu số và vùng nông thôn.

+ Đến năm 2020: Có 250 trường cao đẳng nghề, 400 trường trung cấp nghề và 900 TTDN (trong đó có 80 trường chất lượng cao, 10 trường tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới).

**III. Các giải pháp phát triển dạy nghề**

**1. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ để phát triển dạy nghề, tạo động lực cho các cơ sở dạy nghề, giáo viên dạy nghề và người học nghề.

- Đổi mới cơ chế chính sách về kế hoạch, tài chính dạy nghề, từng bước thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng chỉ tiêu dạy nghề từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước.

- Phân cấp triệt để và hợp lí nhằm phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cấp

- Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ. Mở rộng sản xuất gắn với việc thực tập của học sinh trong các cơ sở dạy nghề nhằm nâng cao kỹ năng thực hành cho học sinh và tạo nguồn thu để bổ sung kinh phí đào tạo. Đến năm 2020 nguồn thu từ sản xuất dịch vụ, nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới đạt khoảng 25% trong tổng số thu của cơ sở dạy nghề; 100% số trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề thực hiện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và hoạt động dạy nghề, phục vụ xã hội.

- Thí điểm và từng bước mở rộng mô hình đào tạo theo cơ chế chia sẻ kinh phí đào tạo giữa nhà nước và doanh nghiệp (mô hình đào tạo nghề kép).

- Tranh thủ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ; vốn vay với lãi suất ưu đãi của các nước và các ngân hàng quốc tế để đầu tư cho dạy nghề

### **3. Giải pháp về xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề**

- Thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ban Bí thư, Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010. Tập trung đầu tư cho các trường đại học sư phạm kỹ thuật hiện có; nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Long thành trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long; phát triển thêm 1 đến 2 trường cao đẳng sư phạm ở khu vực Duyên hải - Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát triển khoa sư phạm kỹ thuật ở một số trường cao đẳng, đại học.

- Xây dựng các tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề đáp ứng nhu cầu thực hiện quy hoạch về số lượng, trình độ đào tạo và cơ cấu ngành nghề.

- Mở rộng hình thức hợp đồng với chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, thợ bậc cao của các doanh nghiệp, viện nghiên cứu làm giáo viên thỉnh giảng cho các cơ sở dạy nghề.

- Ưu tiên đào tạo giáo viên dạy nghề cho các tỉnh vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Xây dựng trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý dạy nghề; đến năm 2010, 50% cán bộ quản lý dạy nghề đạt tiêu chuẩn; đến 2020 đạt 100%

### **4. Giải pháp về khoa học công nghệ**

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy nghề, quản lý dạy nghề: xây dựng các phần mềm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và quản lý dạy nghề; xây dựng giáo án điện tử; hệ thống mạng thông tin về dạy nghề.

- Khuyến khích các cơ sở dạy nghề nghiên cứu, sản xuất thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy nghề.

- Phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và sản xuất trong các cơ sở dạy nghề để gắn liền việc học với thực tập.

\*  
\* \*

Trên đây đã trình bày nhu cầu về lao động có nghề, khả năng và các giải pháp để đáp ứng nhu cầu về lao động có nghề đến năm 2010. Tuy nhiên, việc xác định nhu cầu lao động có kỹ năng nghề mới chỉ thực hiện theo dự báo về tổng số điều này sẽ rất khó khăn cho việc xác định kế hoạch đào tạo nghề nhằm đáp ứng đúng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội về nghề đào tạo và trình độ đào tạo. Điều này đặt ra nhu cầu bức thiết về xác định cho được "cầu" về lao động có nghề theo từng nghề ở từng cấp trình độ cho từng thời kỳ nhất định. Xác định "cầu" về lao động qua đào tạo nói chung và qua đào tạo nghề nói riêng theo từng ngành nghề và từng trình độ là công việc nhất định cần phải làm nhằm tạo cơ sở cho việc hoạch định quy mô đào tạo, cơ cấu đào tạo phù hợp. Cũng từ đây, Nhà nước sẽ đề ra được các chính sách điều chỉnh ở tầm vĩ mô để đặt hàng đào tạo những ngành nghề khó tuyển sinh nhưng nhu cầu xã hội đang rất cần./.

### **SUMMARY**

*The article discusses social needs-based training in Vietnam with focus on analyzing the status quo of the current vocational education capacity and the need of employing workers with professional skills and planning conditions to meet this need on which basis to put forth solutions to develop vocational education to meet social needs.*